

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề

Ngày / 5 / 2015

Mã đề thi 368

Họ, tên thí sinh

Số báo danh

Cho biết nguyên tử khối của các nguyên tố: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; I = 127; Ba = 137.

Câu 1 Chất nào dưới đây khi bị thuỷ phân trong môi trường axit, đun nóng không tạo ra glucozo?

- (A) saccarozo (B) xenlulozo (C) protein (D) tinh bột

Câu 2 Khi cho 300 ml dung dịch KOH nồng độ a mol/l vào bình chứa 100 ml dung dịch AlCl_3 thì thu được dung dịch X và m gam kết tủa. Mặt khác, nếu cho 500 ml dung dịch KOH ở trên vào bình chứa 100 ml dung dịch AlCl_3 thì thu được dung dịch Y và m gam kết tủa. Hỏi người ta phải thêm dung dịch KOH ở trên vào dung dịch nào (X hay Y) và với thể tích là bao nhiêu để thu lượng kết tủa tối đa?

- (A) X, 50 ml (B) X, 150 ml (C) Y, 100 ml (D) Y, 150 ml

Câu 3 Đun nóng m gam hỗn hợp gồm a mol tetrapeptit mạch hở X và 2a mol tripeptit mạch hở Y với 600 ml dung dịch NaOH 1M (vừa đủ). Sau khi các phản ứng kết thúc, cô cạn dung dịch thu được 72,48 gam muối khan của các amino axit đều có một nhóm $-\text{COOH}$ và một nhóm $-\text{NH}_2$ trong phân tử. Giá trị của m là

- (A) 51,72. (B) 54,30. (C) 66,00. (D) 44,48.

Câu 4 Hòa tan 14,9 gam KCl và 54,52 gam $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ vào nước rồi điện phân dung dịch thu được với các điện cực tro có màng ngăn cho đến khi khối lượng của dung dịch giảm đi 21,5 gam thì ngắt mạch điện. Biết cường độ dòng điện là 5A, thời gian điện phân là:

- (A) 7720 s (B) 7334 s (C) 3860 s (D) 11194 s

Câu 5 Cho các phát biểu sau:

- (a) Hidro hóa hoàn toàn glucozo tạo ra axit gluconic.
- (b) Ở điều kiện thường, glucozo và saccarozo đều là những chất rắn, dễ tan trong nước.
- (c) Xenlulozo trinitrat là nguyên liệu để sản xuất tơ nhân tạo và chế tạo thuốc súng không khói.
- (d) Amilopectin trong tinh bột chỉ có các liên kết α -1,4-glicozit.
- (e) Sacarozo bị hóa đen trong H_2SO_4 đặc.
- (f) Trong công nghiệp dược phẩm, saccarozo được/dùng để pha chế thuốc.

Trong các phát biểu trên, số phát biểu đúng là:

- (A) 2. (B) 3. (C) 5. (D) 4.

Câu 6 Hỗn hợp X gồm hai muối clorua của hai kim loại kiềm A và B thuộc hai chu kỳ liên tiếp ($M_A < M_B$). Cho 19,15g hỗn hợp X tác dụng vừa đủ với dung dịch AgNO_3 , sau phản ứng thu được 43,05g kết tủa. Khối lượng muối clorua của A trong 19,15 gam hỗn hợp X là:

- (A) 2,925 gam (B) 5,85 gam (C) 11,7 gam (D) 7,45 gam

Câu 7 Cho lá Al vào dung dịch HCl, có khí thoát ra. Thêm vài giọt dung dịch CuSO_4 vào thì

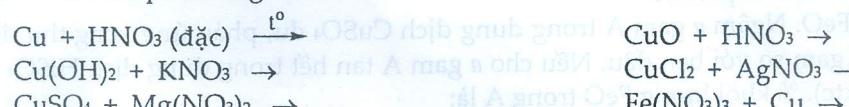
- (A) phản ứng ngừng lại.
- (B) tốc độ thoát khí tăng.
- (C) tốc độ thoát khí giảm.
- (D) tốc độ thoát khí không đổi.

Câu 8 Mệnh đề không đúng là:

- (A) Fe^{2+} oxi hoá được Cu.
- (B) Fe khử được Cu^{2+} trong dung dịch.
- (C) Fe^{3+} có tính oxi hóa mạnh hơn Cu^{2+} .
- (D) Tính oxi hóa của các ion tăng theo thứ tự: $\text{Fe}^{2+}, \text{H}^+, \text{Cu}^{2+}, \text{Ag}^+$.

Câu 9 Cho 9,64 gam bột Cu vào V ml dung dịch $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ 2M. Cho 0,56 gam bột Fe vào lượng dư dung dịch AgNO_3 . Khuấy đều để các phản ứng xảy ra hoàn toàn, các muối tạo ra đều hòa tan trong dung dịch, sau phản ứng thấy khối lượng chất rắn thu được trong 2 thí nghiệm trên bằng nhau. Trị số của V là:

- (A) 50 (B) 80 (C) 100 (D) 200

Câu 10 Cho các phản ứng sau:Số phản ứng tạo ra $\text{Cu}(\text{NO}_3)_2$ là:

- (A) 4 (B) 5 (C) 6 (D) 3

Câu 11 Hoà tan hoàn toàn 0,1 mol FeS₂ trong 200 ml dung dịch HNO₃ 4M, sản phẩm thu được gồm dung dịch X và một chất khí thoát ra. Dung dịch X có thể hòa tan tối đa m gam Cu. Biết trong các quá trình trên, sản phẩm khử duy nhất của N⁺⁵ đều là NO. Giá trị của m là

- (A) 12,8. (B) 6,4. (C) 9,6. (D) 3,2.

Câu 12 Đốt cháy 1,7 gam este X cần 2,52 lít oxi (ở đktc) thu được CO₂ và H₂O có tỉ lệ số mol tương ứng là 2: 1. Đun nóng 0,01 mol X với dung dịch NaOH thấy có 0,02 mol NaOH tham gia phản ứng. X không tham gia phản ứng tráng gương. Biết khối lượng phân tử của X nhỏ hơn 140. CTCT của X là:

- (A) (COOC₂H₅)₂ (B) CH₃COOC₂H₅ (C) CH₃COOC₆H₅ (D) HCOOC₆H₄-CH₃

Câu 13 Cho 0,15 mol H₂N₃C₆H₅(COOH)₂ (axit glutamic) vào 175 ml dung dịch HCl 2M, thu được dung dịch X. Cho NaOH dư vào dung dịch X. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, số mol NaOH đã phản ứng là:

- (A) 0,55 (B) 0,70 (C) 0,65 (D) 0,50.

Câu 14 Số proton và số nôtron có trong một nguyên tử nhôm (²⁷₁₃Al) lần lượt là

- (A) 13 và 14. (B) 13 và 15. (C) 12 và 14. (D) 13 và 13.

Câu 15 Quy tắc bát tử không đúng với trường hợp phân tử chất nào dưới đây?

- (A) N₂ (B) NO₂ (C) CO₂ (D) Cl₂

Câu 16 Nước cúng không gây ra tác hại nào dưới đây?

- (A) Gây ngộ độc nước uống.
(B) Làm mất tính tẩy rửa của xà phòng, làm hư hại quần áo.
(C) Làm hỏng các dung dịch pha chế, làm thực phẩm lâu chín và giảm mùi vị thực phẩm.
(D) Gây hao tổn nhiên liệu và không an toàn cho các nồi hơi, làm tắc các đường ống dẫn nước nóng.

Câu 17 Cho 0,87 gam hỗn hợp gồm Fe, Cu và Al vào bình đựng 300 ml dung dịch H₂SO₄ 0,1M. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 0,32 gam chất rắn và có 448 ml khí (đktc) thoát ra. Thêm tiếp vào bình 0,425 gam NaNO₃, khi các phản ứng kết thúc thì thể tích khí NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất) tạo thành và khối lượng muối trong dung dịch là

- (A) 0,224 lít và 3,750 gam. (B) 0,112 lít và 3,750 gam.
(C) 0,224 lít và 3,865 gam. (D) 0,112 lít và 3,865 gam.

Câu 18 Hỗn hợp X gồm 2 amino axit no (chỉ có nhóm chức -COOH và -NH₂ trong phân tử), trong đó tỉ lệ mo : m_{NH} = 80 : 21. Để tác dụng vừa đủ với 3,83 gam hỗn hợp X cần 30 ml dung dịch HCl 1M. Mặt khác, đốt cháy hoàn toàn 3,83 gam hỗn hợp X cần 3,192 lít O₂ (đktc). Dẫn toàn bộ sản phẩm cháy (CO₂, H₂O và N₂) vào nước vô trong dù thì khối lượng kết tủa thu được là

- (A) 13 gam. (B) 20 gam. (C) 15 gam. (D) 10 gam.

Câu 19 Cho các phát biểu sau về phenol (C₆H₅OH):

- (a) Phenol tan nhiều trong nước lạnh.
(b) Phenol có tính axit nhưng dung dịch phenol trong nước không làm đổi màu quỳ tím.
(c) Phenol được dùng để sản xuất phẩm nhuộm, chất diệt nấm mốc.
(d) Nguyên tử H của vòng benzen trong phenol dễ bị thay thế hơn nguyên tử H trong benzen.
(e) Cho nước brom dư vào dung dịch phenol thấy xuất hiện kết tủa.

Số phát biểu đúng là

- (A) 4. (B) 2. (C) 5. (D) 3.

Câu 20 Cho 18,4 gam hỗn hợp X gồm Cu₂S, CuS, FeS₂ và FeS tác dụng hết với HNO₃ (đặc nóng, dư) thu được V lít khí chỉ có NO₂ (ở đktc, sản phẩm khử duy nhất) và dung dịch Y. Cho toàn bộ Y vào một lượng dư dung dịch BaCl₂, thu được 46,6 gam kết tủa; còn khi cho toàn bộ Y tác dụng với dung dịch NH₃ dư thu được 10,7 gam kết tủa. Giá trị của V là

- (A) 38,08. (B) 24,64. (C) 16,8. (D) 11,2.

Câu 21 Cho dãy các chất và ion: Fe, Cl₂, SO₂, NO₂, C, Al, Mg²⁺, Na⁺, Fe²⁺, Fe³⁺. Số chất và ion vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử là

- (A) 8. (B) 5. (C) 4. (D) 6.

Câu 22 Hai nguyên tố X và Y cùng một chu kì trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học, X thuộc nhóm IIA, Y thuộc nhóm IIIA ($Z_X + Z_Y = 51$). Phát biểu nào sau đây đúng?

- (A) Ở nhiệt độ thường X không khử được H₂O.
(B) Kim loại X không khử được ion Cu²⁺ trong dung dịch.
(C) Hợp chất với oxi của X có dạng X₂O₇.
(D) Trong nguyên tố X có 25 proton.

Câu 23 Một hỗn hợp A gồm Fe và FeO. Ngâm α gam A trong dung dịch CuSO₄ dư, phản ứng xong thu được chất rắn có khối lượng tăng thêm 0,8 gam so với ban đầu. Nếu cho α gam A tan hết trong dung dịch H₂SO₄ đặc nóng, dư thu được 4,48 lít khí SO₂ (đktc). % khối lượng FeO trong A là:

- (A) 34,45% (B) 45,50% (C) 64,35% (D) 56,25%

Câu 24 Chỉ dùng dung dịch AgNO₃/NH₃ có thể phân biệt được cặp chất nào sau đây?

- (A) Glucozơ và saccarozơ (B) Glucozơ và fructozơ
(C) Fructozơ và mantozơ (D) Glucozơ và mantozơ

Câu 25 Cho 26,88 gam bột kim loại đồng hòa tan trong dung dịch HNO_3 loãng, đựng trong một cốc. Sau khi kết thúc phản ứng, có 4,48 lít khí NO (đktc) thoát ra và còn lại m gam chất không tan. Thêm tiếp từ từ V ml dung HCl 3,2M vào cốc để hòa tan vừa hết m gam chất không tan, có khí NO thoát ra. Tri số của V là:

Câu 26 Cho hỗn hợp X gồm hai hợp chất hữu cơ no, đon chức tác dụng vừa đủ với 100 ml dung dịch KOH 0,4M, thu được một muối và 336 ml hơi một ancol (ở dktc). Nếu đốt cháy hoàn toàn lượng hỗn hợp X trên, sau đó hấp thụ hết sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch $\text{Ca}(\text{OH})_2$ (dư) thì khối lượng bình tăng 6,82 gam. Công thức của hai hợp chất hữu cơ trong X là

- (A) CH_3COOH và $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$.
 (B) $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}$ và $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$.
 (C) HCOOH và HCOOC_2H_5 .
 (D) HCOOH và HCOOC_3H_7 .

Câu 27 Dung dịch methylamin CH_3NH_2 có thể tác dụng được với những chất nào sau đây?

1. Na_2CO_3 2. FeCl_3 3. dung dịch H_2SO_4 loãng
 4. CH_3COOH 5. $\text{C}_6\text{H}_5\text{ONa}$ 6. $\text{C}_6\text{H}_5\text{NH}_3\text{Cl}$ (phenyl amoni clorua)

(A) 2, 3, 4, 6 (B) 1, 2, 3, 5 (C) 2, 6 (D) 2, 3, 6

Câu 28 Hỗn hợp X gồm hai anđehit đơn chức Y và Z (biết phân tử khối của Y nhỏ hơn của Z). Cho 1,89 gam X tác dụng với một lượng dư dung dịch AgNO_3 trong NH_3 , sau khi các phản ứng kết thúc, thu được 18,36 gam Ag và dung dịch E. Cho toàn bộ E tác dụng với dung dịch HCl (du), thu được 0,784 lít CO_2 (dktc). Tên của Z là

- (A) andehit acrylic. (B) andehit butiric. (C) andehit axetic. (D) andehit propionica.

Câu 29 Cho hỗn hợp A gồm Al và Al_2O_3 có tỷ lệ khối lượng tương ứng là 0,18: 1,02. Cho A tan trong dung dịch NaOH vừa đủ thu được dung dịch B và 0,672 lít khí H_2 (ở đktc). Cho B tác dụng với 200ml dung dịch HCl được kết tủa D. Nung D ở nhiệt độ cao đến khối lượng không đổi được 3,57g chất rắn. Nồng độ mol của dung dịch HCl là:

- (A) 0,07M hoặc 0,11 M (B) 0,07 M hoặc 0,09 M (C) 0,35 M hoặc 0,45M (D) 0,35 M hoặc 0,55 M

Câu 30 Phát biểu nào sau đây là đúng?

- (A) Ở nhiệt độ thường, các amino axit đều là những chất lỏng
(B) Axit glutamic là thành phần chính của bột ngọt.
(C) Amino axit thuộc loại hợp chất hữu cơ tinh khiết.
(D) Các amino axit thiên nhiên hầu hết là các β -amino axit.

Câu 31 Cho hai khí không màu A và B tác dụng với nhau trong điều kiện thích hợp thu được khí C có mùi, không màu. Đốt cháy khí C trong oxi thu được khí A và oxit của B. Nếu đốt cháy C trong oxi và có xúc tác thì thu được oxit của A và oxit của B. A, B và C lần lượt là:

- (A) N₂, H₂, NH₃ (B) H₂, N₂, NH₃ (C) O₂, H₂, H₂O (D) Cl₂, H₂, HC

Câu 32 Cho các dung dịch sau: NH_3 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, AlCl_3 , $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$, $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$ và NaHSO_4 . Số phản ứng hóa học xảy ra khi trộn chúng với nhau từng đôi một là:

Câu 33 X, Y và Z là ba nguyên tố thuộc cùng một chu kì của bảng HTTH. Biết oxit của X khi tan trong nước tạo dung dịch làm hồng giấy quỳ tím. Y phản ứng với nước tạo dung dịch làm xanh quỳ tím. Còn Z phản ứng được với cà dung dịch axit lẫn dung dịch kiềm. Các nguyên tố được xếp theo thứ tự tăng dần số hiệu nguyên tử là:

- (A) Y, Z, X (B) X, Z, Y (C) Y, X, Z (D) Z, Y, X

Câu 34 Cho các phát biểu sau

- (a) Chất béo được gọi chung là triglycerit hay triaxylglycerol.
 - (b) Chất béo nhẹ hơn nước, không tan trong nước nhưng tan nhiều trong dung môi hữu cơ.
 - (c) Phản ứng thủy phân chất béo trong môi trường axit là phản ứng thuận nghịch.
 - (d) Tristearin, triolein có công thức lần lượt là: $(C_{17}H_{33}COO)_3C_3H_5$, $(C_{17}H_{35}COO)_3C_3H_5$.

Số phát biểu đúng là

Câu 35 Cho 26,4 gam hỗn hợp hai chất hữu cơ có cùng công thức phân tử $C_4H_8O_2$ tác dụng với dung dịch NaOH vừa đủ, thu được dung dịch X chứa 28,8 gam hỗn hợp muối và m gam ancol Y. Đun Y với dung dịch H_2SO_4 đặc ở nhiệt độ thích hợp, thu được chất hữu cơ Z có tỉ khối hơi so với Y bằng 0,7. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là

Câu 36 Hoà tan hoàn toàn một oxit sắt A vào dung dịch H_2SO_4 loãng thu được dung dịch B. Dung dịch B vừa có khả năng làm mất màu dung dịch thuốc tím, vừa có khả năng hoà tan được bột Cu. Vậy A là:

- (A) Fe_2O_3 (B) FeO (C) Fe_3O_4 (D) FeO hoặc Fe_3O_4

Câu 37 Khi cho 0,1 mol este X (được tạo bởi axit dicarboxylic và rượu đơn chức) tác dụng với NaOH vừa đủ, thu được 6,4 gam rượu và một lượng muối có khối lượng nhiều hơn khối lượng lượng este đã phản ứng là 13,56%. Biết X không tham gia phản ứng với Na, CTCT của X là:

- (A) $(COOCH_3)_2$ (B) $(COOC_2H_5)_2$ (C) $C_4H_9(COOCH_3)_2$ (D) $CH_2(COOCH_3)_2$

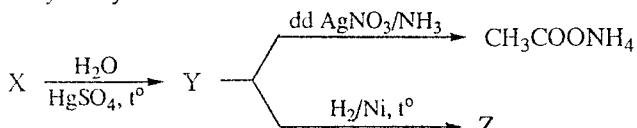
Câu 38 Cho hỗn hợp A gồm 3 oxit của sắt Fe_2O_3 , Fe_3O_4 và FeO với số mol bằng nhau. Lấy m gam A cho vào một ống sứ chịu nhiệt, nung nóng rồi cho một luồng khí CO đi qua ống, sau một thời gian thu được 19,20 gam chất rắn gồm Fe, FeO và Fe_3O_4 . Cho toàn bộ hỗn hợp này tác dụng hết với dung dịch HNO_3 loãng, nóng, dư được 2,24 lít khí NO duy nhất (ở dktc). Giá trị của m là:

- (A) 23,2 gam (B) 18,56 gam (C) 20,88 gam (D) 69,6 gam

Câu 39 Đun nóng m gam hỗn hợp Cu và Fe có tỉ lệ khối lượng tương ứng 7 : 3 với một lượng dung dịch HNO_3 . Khi các phản ứng kết thúc, thu được 0,75m gam chất rắn, dung dịch X và 5,6 lít hỗn hợp khí (dktc) gồm NO và NO_2 (không có sản phẩm khử khác của N^{+5}). Biết lượng HNO_3 đã phản ứng là 44,1 gam. Giá trị của m là

- (A) 50,4. (B) 40,5. (C) 44,8. (D) 33,6.

Câu 40 Cho dãy chuyển hoá sau:



Z là:

- (A) $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ (B) CH_3OH (C) C_2H_6 (D) CH_3CHO

Câu 41 Trong những phản ứng nào sau đây muối Fe(III) thể hiện tính oxi hoá?

- (1) $\text{FeCl}_3 + \text{Fe} \rightarrow$ (2) $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + \text{Cu} \rightarrow$ (3) $\text{FeCl}_3 + \text{AgNO}_3 \rightarrow$

- (4) $\text{FeCl}_3 + \text{KI} \rightarrow$ (5) $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{HNO}_3$ đặc \rightarrow (6) $\text{FeBr}_3 + \text{NaOH} \rightarrow$

- (A) (3) và (4) (B) (1), (2) và (4) (C) (1) và (2) (D) (3), (5) và (6).

Câu 42 Hỗn hợp X gồm axit hữu cơ no, đơn chúc, mạch hở A và một rượu no, đơn chúc, mạch hở B. Biết $M_A = M_B$. Chia m gam hỗn hợp X thành 2 phần bằng nhau: Phần I cho tác dụng với Na dư thu được 0,168 lít H_2 (ở dktc). Đốt cháy hoàn toàn phần II rồi cho toàn bộ sản phẩm cháy vào bình đựng dung dịch Ba(OH)_2 dư thu được 7,88 gam kết tủa. CTCT thu gọn của A và B lần lượt là:

- (A) $\text{HCOOH}, \text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ (B) $\text{CH}_3\text{COOH}, \text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ (C) $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}, \text{C}_4\text{H}_9\text{OH}$ (D) $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOH}, \text{C}_5\text{H}_{11}\text{OH}$

Câu 43 Dãy nào sau đây gồm các khí có khả năng làm nhạt màu dung dịch nước brom?

- (A) $\text{CO}_2, \text{SO}_2, \text{H}_2\text{S}$ (B) $\text{H}_2\text{S}, \text{SO}_2, \text{HCl}$ (C) $\text{SO}_2, \text{H}_2\text{S}, \text{C}_2\text{H}_4$ (D) $\text{CO}_2, \text{SO}_2, \text{NO}_2$

Câu 44 Oxi hóa m gam ancol đơn chúc X, thu được hỗn hợp Y gồm axit carboxylic, nước và ancol dư. Chia Y làm hai phần bằng nhau. Phần một phản ứng hoàn toàn với dung dịch K_2CO_3 dư, thu được 2,24 lít khí CO_2 (dktc). Phần hai phản ứng với Na vừa đủ, thu được 3,36 lít khí H_2 (dktc) và 19 gam chất rắn khan. Tên của X là

- (A) metanol. (B) etanol. (C) propan-2-ol. (D) propan-1-ol.

Câu 45 A và B là các kim loại kiềm thổ thuộc hai chu kỳ liên tiếp, hòa tan hỗn hợp gồm 23,5 gam muối cacbonat của A và 8,4 gam muối cacbonat của B bằng dung dịch HCl dư, sau đó cô cạn dung dịch và điện phân nóng chảy hoàn toàn các muối thì thu được 11,8 gam hỗn hợp kim loại và V lít khí (ở dktc). Hai kim loại A, B và giá trị của V lần lượt là:

- (A) Be và Mg; 7,504 lít (B) Ca và Mg; 7,84 lít (C) Mg và Ca; 7,504 lít (D) Ca và Mg; 7,504 lít

Câu 46 Hoà tan chất X vào nước thu được dung dịch trong suốt, rồi thêm tiếp dung dịch chất Y thì thu được chất Z (làm vẩn đục dung dịch). Các chất X, Y, Z lần lượt là:

- (A) phenylamonium clorua, axit clohiđric, anilin. (B) phenol, natri hidroxit, natri phenolat.

- (C) anilin, axit clohiđric, phenylamonium clorua. (D) natri phenolat, axit clohiđric, phenol.

Câu 47 Hidrocacbon mạch hở X trong phân tử chỉ chứa liên kết σ và có hai nguyên tử cacbon bậc ba trong một phân tử. Đốt cháy hoàn toàn 1 thể tích X sinh ra 6 thể tích CO_2 (ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Khi cho X tác dụng với Cl_2 (theo tỉ lệ số mol 1 : 1), số dẫn xuất monoclo tối đa sinh ra là

- (A) 4. (B) 2. (C) 3. (D) 5.

Câu 48 Một hỗn hợp B gồm C_2H_6 , C_2H_4 và C_3H_4 (propin). Cho 12,24 gam hỗn hợp B vào dung dịch chúa AgNO_3 dư và NH_3 . Sau khi phản ứng xong thu được 14,7 gam kết tủa màu vàng. Mặt khác 4,256 lít B (ở dktc) thì phản ứng vừa đủ với 140ml dung dịch brom 1M. % khối lượng của C_2H_6 trong B là:

- (A) 49,02% (B) 36,76% (C) 24,51% (D) 19,61%

Câu 49 Số ancol đồng phân cấu tạo của nhau có công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{12}\text{O}$, tác dụng với CuO đun nóng sinh ra xeton là

- (A) 3. (B) 4. (C) 2. (D) 5.

Câu 50 Trường hợp nào sau đây không tạo ra CH_3CHO ?

- (A) Cho $\text{CH} \equiv \text{CH}$ cộng H_2O (t° , xúc tác $\text{HgSO}_4, \text{H}_2\text{SO}_4$).

- (B) Oxi hoá khô hoàn toàn $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ bằng CuO đun nóng.

- (C) Oxi hoá CH_3COOH .

- (D) Thuỷ phân $\text{CH}_3\text{COOCH}=\text{CH}_2$ bằng dung dịch KOH đun nóng.

---HẾT---